



CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 411 Ngày 12/11/09

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

-----oOo-----

Long Khánh, ngày tháng năm 2006

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Căn cứ :

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được kỳ họp thứ 8 Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 (Sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp) .

- Nghị định 187/2004-NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần .

Sau khi Đại Hội đồng Cổ đông thông qua bản Điều lệ này trở thành văn kiện pháp lý điều chỉnh mối quan hệ pháp lý giữa Công ty và các Cổ đông và giữa các cổ đông với nhau. Cổ đông ở đây không chỉ có người đã ký tên hoặc thông qua văn kiện này; Mà còn bao gồm những ai khác về sau này chấp nhận bản Điều lệ này và góp vốn vào Công ty theo những quy định ở đây .

Khi cùng nhau ký và thông qua bản Điều lệ này, chúng tôi long trọng tuyên bố rằng chúng tôi biết và hiểu rõ pháp luật Việt Nam điều chỉnh quan hệ pháp lý giữa chúng tôi và công ty mà chúng tôi lập nên cũng như những quyền cùng nghĩa vụ và các hoạt động của nó. Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp và sẽ yêu cầu những người mà sau này sẽ là cổ đông hay sẽ là người quản lý của Công ty, nhân viên, đại diện, người được ủy quyền, người được chuyển nhượng của Công ty cũng sẽ chấp hành luật pháp như chúng tôi, và tất cả đều sẽ chấp nhận những hình thức xử lý vi phạm theo luật định, nếu chúng tôi phạm pháp .

Bản Điều lệ này gồm 08 chương 58 điều, được các người liên quan thông qua từng điều trước khi ký để vào hồ sơ. Bản này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau. Các bản trích hay bản sao có chữ ký của giám đốc hay người được ủy nhiệm ký tên và có dấu của Công ty cùng có chữ sao y bản chính, hay một câu tương tự, cũng sẽ có giá trị đối với Công ty.

Chương I :**ĐIỀU KHOẢN CHUNG****Điều 1: Tên công ty và hình thức**

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Tên giao dịch đối ngoại:

CIVIL ENGINEERING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY No 79

Tên giao dịch viết tắt: CEI JSC 79

2. Biểu tượng (Logo):



Công ty được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hình thức: Tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 (Sau gọi tắt là Công ty 79) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Điều 2: Trụ sở, địa bàn hoạt động:

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km1821 QL1A-Phường Xuân Bình - Thị xã Long Khánh - Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 061.3877346 - 061.3877370 Fax: 061.3876522

Trong quá trình phát triển Công ty có thể đặt, thiết lập những chi nhánh, văn phòng tại các địa phương khác nhau theo luật pháp Việt Nam và quy định tại địa phương

Điều 3: Tư cách pháp nhân

- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 là một chủ thể quan hệ pháp luật có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Công ty có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

- Cổ đông chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn góp

- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty**1. Mục tiêu:**

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về xây dựng các công trình giao thông trong ngành giao thông vận tải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối ưu, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp thuế đầy đủ cho Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Chức năng kinh doanh của Công ty :

- Xây dựng các công trình dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, cầu cống, bến cảng.
- Vận chuyển, đào đắp, san lấp mặt bằng các công trình.
- Quản lý và sửa chữa thường xuyên các công trình giao thông, cầu cống.
- Sản xuất các vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông, khai thác đất, đá phục vụ xây dựng.
- Quản lý thu phí đường bộ.

Điều 5: Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 là 50 năm. Việc chấm dứt hoặc gia hạn Công ty do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định và thực hiện đúng theo Điều 157-158 của luật Doanh nghiệp .

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty

- Công ty hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật .
- Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐH ĐCD), bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) để quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội, bầu ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty
- Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm

Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam - Công đoàn và các tổ chức chính trị - Xã hội khác .

- Tổ chức Đảng cộng sản Việt nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và các quy định, điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam
- Tổ chức Công đoàn, và tổ chức chính trị - Xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam & điều lệ của tổ chức đó .

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình .

Chương II**QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY****Mục 1 : QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN****Điều 8: Quyền tự chủ quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty**

1. Công ty có quyền quản lý sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao quyền sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty .

2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty, phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
4. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định Chính Phủ.
5. Kinh doanh những ngành nghề được Nhà nước cho phép, kinh doanh những ngành nghề khác được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung.
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.
7. Quyết định giá mua, giá bán tài sản vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, (trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá).
8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: Các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.
9. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.
10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật.
11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi học tập kinh nghiệm quản lý, kỹ thuật công nghệ ở nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.

Điều 9: Quyền quản lý tài chính của Công ty

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.
2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất
3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật, được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng có trụ sở đóng tại Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật
4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và nghị quyết của đại hội cổ đông.
5. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quy định của Nhà nước.

Mục 2: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10: Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông và kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.

2. Xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng của Công ty và nhu cầu thị trường .
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế với đối tác .
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác .
5. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.
6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo .
7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật, tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật .

Điều 11 : Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty .

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quy định, hạch toán, kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định ; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty .
2. Bảo toàn và phát triển vốn .
3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập .
4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty .
5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật .
6. Công Ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công Ty.

Chương III

**VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG
VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

Mục 1 : VỐN

Điều 12 : Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được các cổ đông góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và tài sản được hạch toán, theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng .
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là: 10 tỷ.
3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu :
 - Vốn thuộc sở hữu Nhà nước : 7.487.000.000 đồng chiếm 74,87% vốn điều lệ
 - Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông là pháp nhân và cá nhân ngoài vốn Nhà nước là: 2.513.000.000 đồng chiếm 25,13% vốn điều lệ.
 - Cổ phần của Nhà nước là cổ phần chi phối
4. Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận. Thủ tục xác nhận vốn điều lệ thực hiện tại phòng công chứng Nhà nước địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính .
5. Vốn điều lệ chỉ sử dụng cho hoạt động kinh doanh như :

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu góp vốn liên doanh.
 - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty
6. Không sử dụng vốn điều lệ chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội cổ đông quyết định khác; Không trái pháp luật).

Mục 2 : CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 13: Cổ phần - các loại cổ phần

*** / Cổ phần:**

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau: Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu của cổ đông mua cổ phần.
2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000VNĐ. Cổ phiếu của Công ty có nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng trị giá 1 cổ phần. Các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
3. Cổ phần của Nhà nước trong Công ty là cổ phần chi phối thực hiện quyền chi phối theo luật định.

*** / Các loại cổ phần:**

1. Công ty Cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
2. Công ty Cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.
Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - a) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - b) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
3. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.
4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó có quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

*** / Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết:**

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do điều lệ công ty quy định.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:
 - a) Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông với phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 điều 81 luật doanh nghiệp.

b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng phần đó cho người khác.

***/ Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức.**

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 điều 82 Luật doanh nghiệp.

b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản.

c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 82 luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào hội đồng quản trị vào ban kiểm soát.

***/ Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại:**

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần sẽ được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 83 luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

***/ Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập:**

1. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b) Tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán, số cổ phần các cổ đông sáng lập đăng ký mua.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông sáng lập là cá nhân. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức. Số cổ phần đăng ký mua, số cổ phần và trị giá cổ phần đã thanh toán, loại tài sản góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập.

d) Tổng số cổ phần và trị giá cổ phần đã thanh toán của các cổ đông sáng lập.

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về các thiệt hại đối với công ty và người khác do thông báo chậm trễ hoặc thông báo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ.

3. Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau đây:

a) Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty.

b) Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó.

c) Huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó, người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Trong trường hợp này cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của công ty.

Khi sổ cổ phần đăng ký góp của các cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

4. Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập, nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Điều 14: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng công trình 79 là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, do Công ty phát hành theo nội dung luật định, xác nhận quyền sở hữu đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty, số tiền ghi trên cổ phiếu là mệnh giá cổ phiếu.

2. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất do HĐQT quyết định và được quy định tại khoản 1 điều 85 Luật Doanh Nghiệp năm 2005.

3. Cổ phiếu công ty cổ phần đầu tư xây dựng công trình 79 có sự phân biệt sau đây:

* Loại bị hạn chế chuyển nhượng là cổ phiếu ghi tên dành cho cổ đông sáng lập Công ty, số cổ phiếu trong tỷ lệ quy định tối thiểu của các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban kiểm soát

*Loại không bị hạn chế chuyển nhượng là cổ phiếu không ghi tên dành cho các cổ đông khác sở hữu loại cổ phần phổ thông

Nội dung của cổ phiếu theo đúng quy định tại điều 85 luật doanh nghiệp, đối với cổ phiếu ưu đãi (Nếu có) còn có ghi thêm các nội dung khác tại quy định điều 81,82,83 của luật doanh nghiệp.

4. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp Cổ phiếu cho cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí tổn do Công ty quy định.

5. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nội dung chủ yếu của sổ đăng ký cổ đông là văn bản và tập dữ liệu trong

máy vi tính, nội dung của sổ đăng ký cổ đông theo đúng quy định tại điều 86 luật doanh nghiệp.

6. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

7. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó

Điều 15: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

b) Cổ phần chào bán cho tất các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong 03 số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập, hoặc sổ đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; Số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; Tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành.

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 điều 86 của luật doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 điều 86 của luật doanh nghiệp được ghi vào sổ

đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 81 và khoản 5 điều 84 của luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Chính phủ quy định hướng dẫn việc chào bán cổ phần riêng lẻ.

Điều 16: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất .

- Người thừa kế duy nhất theo luật định
- Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật .

2. Người có quyền thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền .

3. Người có cổ phần ưu đãi trả dần, qua đời mà không có người thừa kế thì cổ phần đó được thu hồi & hoàn trả cho Nhà nước.

Điều 17: Phát hành cổ phiếu , trái phiếu - mua lại cổ phần

A. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU :

1. Tùy theo nhu cầu phát triển Công ty có thể tăng vốn thông qua các hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo luật doanh nghiệp và các luật lệ khác về tài chính và chứng khoán có hiệu lực từng thời điểm .

2. Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 sẽ tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán vào thời điểm thích hợp. Ngoài số cổ phiếu đăng ký theo số vốn điều lệ , việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận .

3. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ danh sách cổ đông .

4. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu theo nội dung tại khoản 2 điều 88 luật doanh nghiệp

B. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU :

- Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng tiền việt nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần

C. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG:

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ Công ty, có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản 1 điều 90 Luật doanh nghiệp.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 điều 90 luật doanh nghiệp với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

D. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY :

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 91. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập, hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

E. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI:

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại điều 90 và 91 của luật doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại điều 90 và điều 91 của luật doanh nghiệp được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch hội đồng quản trị và

giám đốc hoặc tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

F. TRẢ CỔ TÚC:

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật, ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập, hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức, họ, tên, chữ ký của chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

G. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TÚC.

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 điều 92 của luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại điều 93 của luật doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận, trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; thì cổ đông đó và tất cả thành viên hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

H. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN 79.

Công ty Cổ phần 79 có đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại điều lệ Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải

thường trú ở Việt Nam, trường hợp vắng mặt trên 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại điều lệ Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Mục 3 : CỔ ĐÔNG

Điều 18 : Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 là người đại diện phần vốn của Nhà nước.

2. Cổ đông của Công ty được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty theo đúng quy định tại khoản 1 điều 86 của luật doanh nghiệp .

3. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty .

a) Đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân :

- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 do Cục Đường Bộ Việt Nam cử theo Quyết định số: 752/QĐ-ĐBVN ngày 05/6/2006 và trúng cử Hội đồng Quản trị nếu được Đại hội cổ đông bầu

- Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó .

b) Người đại diện nêu tại điểm a trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác .

c) Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79.

d) Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị

e) Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện, trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản .

f) Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác .

Điều 19 : Quyền lợi của cổ đông

A. CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHẦN PHỔ THÔNG CÓ QUYỀN

1. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết .

2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông

3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty .

4. Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác .

5. Các quyền khác quy định tại luật doanh nghiệp.

B. CỔ ĐÔNG HOẶC NHÓM CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TRÊN 10 % SỐ CỔ PHẦN PHỔ THÔNG TRONG THỜI HẠN LIÊN TỤC ÍT NHẤT 06 THÁNG

1. Để cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Danh sách để cử vào Hội đồng quản trị phải nêu rõ tên cổ đông thực hiện để cử, số cổ phần từng loại của cổ đông, tên địa chỉ người được để cử. Trường hợp người được để cử là cổ đông của Công ty, thì phải nêu thêm số cổ phần của từng loại của cổ đông đó ;
2. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
3. Xem xét và nhận bản sao trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .
4. Các quyền khác được quy định tại luật doanh nghiệp.

Điều 20 : Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty
2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty .
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty .
5. Không được quyền rút vốn dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp Công ty giải thể
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty

Chương IV :

**TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH
VÀ KIỂM SOÁT**

Mục 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau :
 - a) Quyền và nhiệm vụ về định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty
 - Quyết định các loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần .
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm
 - Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50 % giá trị tài sản của Công ty.
 - Quyết định mua lại hơn 10 % tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại .
 - b) Quyền và nhiệm vụ về tổ chức và điều hành của Công ty
 - Bầu bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên
 - Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty
 - Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty
 - Quyết định bổ sung, sửa đổi, Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do chào bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ Công ty .
2. Đại hội đồng cổ đông giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại các phiên họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua .

Điều 22: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần

2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp trong các trường hợp sau :

a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị :

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10 % số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, hoặc của Ban kiểm soát Công ty trong các trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại điều 119 luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao .

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại tiết b khoản 2 điều này . Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp .

- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại tiết b khoản 2 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại .

4. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của điều lệ này .

Điều 23 : Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục mời họp và quyền dự họp .

1. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu 0,2% vốn điều lệ của Công ty có quyền tham dự đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty; danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông .

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân, tên trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông .

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10 % cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất là 6 tháng có quyền xem danh sách cổ đông, có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .

5. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là bảy ngày trước ngày khai mạc, hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trước ngày khai mạc đại hội liên tục 3 ngày .

7. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận nếu có làm cơ sở để thông qua quyết định .

8. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông .

9. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với cổ phần đã chuyển nhượng .

Điều 24 : Điều kiện, thể thức chương trình, nội dung tiến hành Đại hội đồng cổ đông .

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại điều 100 của luật doanh nghiệp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 79 của luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp .

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6 điều này, nếu có một trong các trường hợp sau :

- Kiến nghị gửi đến không đúng hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Những trường hợp khác quy định tại điều lệ Công Ty.

8) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản .

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi :

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 51 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; bán hơn 50 %

tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận .

c) Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75 % tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận .

d) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua .

e) Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến .

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty . Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại điều 106 luật Doanh nghiệp . Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp .

Điều 26 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau :

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty .

2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty .

Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27 : Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị (HĐQT), là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông .

2. Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị được trúng cử với ít nhất là 51 % số phiếu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty cổ phần .

4. Trong trường hợp do miễn nhiệm mà số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày, để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, cuộc họp thường kỳ ngắn nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên của Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm .

5. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 1 ủy viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày .

Điều 28 : Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên Hội đồng quản trị là 3 năm, các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên cũ .

3. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ .

Điều 29 : Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty .
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số phần được quyền chào bán từng loại
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại và có báo cáo Đại hội đồng cổ đông về thủ tục niêm yết, tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác .
4. Quyết định phương án đầu tư
5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50 % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty .
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó .
7. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con , lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác .
8. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông
9. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh .
10. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng
11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng thông qua quyết định .
12. Quyết định mua lại không quá 10 % số cổ phần đã bán của từng loại .
13. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty
14. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 30 : Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường lệ theo quy chế của Hội đồng quản trị nhưng tối thiểu là 3 tháng một lần
2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của :
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị :
 - Ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng quản trị
 - Kiểm soát viên trưởng
 - Giám đốc
3. Các hình thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua Fax .

 - a) Quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp :

Cuộc họp Hội đồng quản trị hợp lệ khi có hơn 2/3 số thành viên tham dự .

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng.

b) Quyết định của Hội đồng quản trị bằng hỏi ý kiến thể thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực thi như tiết C khoản 2 Điều 25 của bản Điều lệ này.

4. Mọi nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải ghi trong biên bản và cần phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của biên bản họp.

Điều 31: Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách trong các trường hợp sau:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân
- Tự ý bỏ nhiệm sở
- Cổ đông pháp nhân bị mất tư cách pháp nhân
- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân
- Công ty Cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo các quy định của Tòa án
- Từ chức

2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, phó chủ tịch thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì phó chủ tịch Hội đồng quản trị lên thay; phó chủ tịch đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của chủ tịch cho đến đại hội gần nhất.

3. Trường hợp khuyết 2/3 số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp thì phải triệu tập đại hội cổ đông bất thường để bầu bổ sung. Mọi trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị, do đại hội cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 33: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- a) Triệu tập các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
- c) Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty.
- d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
- e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- f) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- g) Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình

2. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do chủ tịch phân công, thay mặt chủ tịch thực thi công việc trong phạm vi được ủy quyền, trong thời gian chủ tịch vắng mặt.

3. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau :

a) Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ :

b) Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình

c) Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước đại hội cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình .

d) Thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị .

e) Thành viên của Hội đồng quản trị là người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Luật doanh nghiệp và quy định của Pháp luật .

Điều 34 : Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Hội đồng quản trị hưởng thù lao do đại hội cổ đông quyết định theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng quản trị .

2. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty được tính vào chi phí quản lý của Công ty .

Điều 35 : Điều kiện ứng cử thành viên hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau :

1. Là cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân, sở hữu hoặc đại diện cho quyền sở hữu từ 0,5 % số cổ phần có quyền biểu quyết. Có trình độ học vấn Đại học hay trung học trở lên, có kinh nghiệm công tác từ 5 năm trở lên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 không được là thành viên Hội đồng quản trị của các tổ chức sản xuất kinh doanh khác có cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.

3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp .

Điều 36 : Chủ tịch hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và 01 phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn theo thể thức bỏ phiếu kín, chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc .

2. Trong trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì phó chủ tịch HĐQT được chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ thực hiện quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp phó chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức chủ tịch Hội đồng quản trị .

Điều 37 :

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thành lập, những người được bầu các chức danh Hội đồng quản trị có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới quản lý tại doanh nghiệp. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó

Mục 3 : GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**Điều 38 : Giám đốc**

1. Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật, là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm không phải nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và đại hội cổ đông về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.
3. Giúp việc Giám đốc có các phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc.

Điều 39 : Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc

Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau :

1. Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế, kỹ thuật có ít nhất 10 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.
2. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 40 : Chức năng, và nhiệm vụ của Giám đốc

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.
2. Bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông.
3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc.
4. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (Trừ những sản phẩm dịch vụ do nhà nước quy định).
5. Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.
6. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật các chức danh: Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc các đơn vị thành viên.
7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với CBCNV dưới quyền
8. Ký kết các hợp đồng kinh tế trong phạm vi quy định của bản Điều lệ Công ty.
9. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản.
11. Từ chối việc thực hiện những quyết định của Chủ tịch, phó Chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ, và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát.
12. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật lao động.

13. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... Và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

14. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

Điều 41: Ủy quyền - Ủy nhiệm

1. Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các phó Giám đốc, hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

2. Người được Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

4. Các Trưởng phòng, ban, đơn vị trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình nếu được Giám đốc chấp thuận.

Điều 42: Từ nhiệm và đương nhiệm mất tư cách

1. Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

2. Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân

- Tự ý bỏ nhiệm sở

- Vi phạm nguyên tắc quản lý của Công ty bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm.

3. Trường hợp Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới.

Mục 4: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 43: Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.

2. Ban kiểm soát của Công ty có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.

3. Trưởng ban kiểm soát do ban kiểm soát bầu một trong số 3 thành viên của ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông.

4. Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập, các kiểm soát viên thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.

5. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát là 3 năm, chế độ làm việc và thù lao cho thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 44: Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên là cổ đông, có trình độ am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, trong đó có ít nhất một kiểm soát viên phải có nghiệp vụ về tài chính kế toán

2. Kiểm soát viên không được là thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, không thể là vợ hoặc chồng hoặc người thân thuộc trực hệ 3 đời, của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

3. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành phạt tù hoặc bị Toá án tước quyền hành nghề vì phạm tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả kinh doanh trái phép, trốn thuế lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật thì không được làm thành viên Ban kiểm soát.

Điều 45: Nhiệm vụ, quyền hạn của các Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên trưởng có trách nhiệm phân công kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.

2. Mỗi kiểm soát viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Kiểm soát viên trưởng có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của khoản 2 điều 79 luật doanh nghiệp.

c) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên đại hội đồng cổ đông.

d) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

e) Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp.

g) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát tại điểm a và b của khoản này không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây cản trở và gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty

5. Kiểm soát viên trưởng có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường.

6. Kiểm soát viên trưởng được tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 46: Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên trưởng muốn từ chức, Kiểm soát viên từ nhiệm đều phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên bị mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp khuyết chức danh Kiểm soát viên trưởng thì số Kiểm soát viên còn lại cử người thay thế.

4. Trường hợp khuyết Kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán. Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội cổ đông để bầu bổ sung.

Chương V**CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ
QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG****Điều 47: Các chế độ và quyền lợi của người lao động****1. Chế độ tuyển dụng :**

Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa giám đốc (Hoặc người được Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật .

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty :

Người lao động đang làm việc cho Công ty Quản lý & SCDB 79 theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng công trình 79 sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành .

Khi chuyển sang công ty cổ phần, mọi chế độ như Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế và các chế độ khác theo Pháp luật sẽ được Công ty tiếp tục thực hiện

Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp chuyển thành Công ty Cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động, kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Chính phủ .

Chương VI**HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QŨY****Điều 48: Yêu cầu về kiểm toán và hạch toán**

1. Năm tài chính Của công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày cuối cùng của năm đó .

2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành .

3. Cuối mỗi niên khóa. Hội đồng quản trị xem xét báo cáo tài chính và mời tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua .

4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công trình 79 gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh .

5. Báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán của Công ty .
- Bảng quyết toán tài chính
- Báo cáo sản xuất kinh doanh
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối năm
- Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, kiểm soát Trưởng ít nhất trước 15 ngày của kỳ đại hội thường niên .

6. Sau đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định .

Điều 49: Trả cổ tức và phân phối lợi nhuận

1. Công ty trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với 75 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết, hoàn

thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ các nghĩa vụ tài sản đến hạn phải trả.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng loại cổ phần. Thời hạn trả và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện. Thông báo ghi rõ tên Công ty, tên địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người nhận chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

4. Theo các quy định về chế độ tài chính do nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần, lợi nhuận Công ty gồm:

Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí

Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế thu nhập DN

5. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:

a) Quỹ dự trữ bắt buộc ít nhất bằng 5 % lợi nhuận ròng để bổ sung vốn Điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức vốn bằng 10 % vốn Điều lệ.

b) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông:

- Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ khen thưởng

- Quỹ phúc lợi

6. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:

- Quỹ bảo hành sản phẩm

- Quỹ khấu hao tài sản cố định

- Quỹ khấu hao sửa chữa lớn tài sản

- Các quỹ khác theo luật định, do HĐQT thông qua.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng của các quỹ để trình cho Đại hội cổ đông hàng năm.

8. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp tính bằng tiền VNĐ/1 cổ phần. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn quý hoặc 6 tháng.

9. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ việc xử lý thua lỗ được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 50: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10 % số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau:

a) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20 % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

b) Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20 % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 1 điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường.

Điều 51: Lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Các tài liệu sau phải được lưu giữ tại Công ty :
 - a) Điều lệ Công ty; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông .
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
 - c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty .
 - d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ; Các quyết định đã được thông qua.
 - e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán .
 - f) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập
 - g) Sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính
 - h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật
2. Công ty lưu giữ tài liệu quy định tại khoản 1 điều này tại trụ sở chính và thông báo cho toàn bộ cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật .

Chương VII**GIẢI THỂ, CHIA TÁCH CÔNG TY VÀ TRANH TỤNG****Điều 52: Giải thể - chia tách**

1. Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 giải thể trong trường hợp sau đây:
 - a) Trường hợp Công ty bị thua lỗ đến 3/4 vốn Điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập đại hội cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty .
 - b) Khi có lý do chính đáng. HĐQT có quyền đề nghị để Đại hội cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty .
 - c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .
2. Khi có quyết định giải thể Công ty các thủ tục giải thể Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại điều 158 luật doanh nghiệp .
3. Trong quá trình hoạt động SXKD vì lợi ích chung của cổ đông, Công ty có thể thực hiện chia hoặc tách Doanh nghiệp
4. Nguyên tắc, thủ tục chia tách được thực hiện theo đúng tại điều 150 và 151 của Luật doanh nghiệp

Điều 53: Tổ tụng , tranh chấp

1. Giám đốc Công ty người đại diện cho công ty trước pháp luật trong mọi giai đoạn tố tụng, tranh chấp .
2. Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân trong khi có tố tụng, tranh chấp .
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng nhà nước theo quy định hiện hành .

4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 54: Sửa đổi điều lệ

Việc sửa đổi điều lệ Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và công trình 79 phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sửa đổi có thể được thể hiện bằng phụ lục. Các phụ lục đi theo là phần không thể tách rời bản điều lệ của Công ty.

Điều 55: Điều khoản thi hành

Công ty được chính thức hoạt động khi Đại Hội đồng Cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây:

- Xác nhận danh sách Cổ đông đã đăng ký mua cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước.
- Đã bầu HĐQT, Ban kiểm soát và cử Giám đốc điều hành
- Đại Hội đồng Cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ này.
- Đã giao quyền quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị
- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành

Điều 56: Thông báo

1. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho Cổ đông sẽ do Công ty tổng đạt trực tiếp đến các cá nhân, tổ chức, hoặc gửi qua đường Bưu điện đến địa chỉ do cổ đông đăng ký. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty biết nếu có sự thay đổi địa chỉ liên lạc đã đăng ký.

2. Mọi thông báo gửi qua Bưu điện được xem là tổng đạt đến địa chỉ của Cổ đông một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh sự tổng đạt này, chỉ cần có đủ bằng chứng rằng thông báo đã có dán tem và gửi đúng địa chỉ.

3. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh hoặc tài liệu cần gửi cho Công ty hoặc viên chức của Công ty có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc thông qua bưu điện đến văn phòng Công ty, trên phong bì ghi tên người nhận, chức danh hoặc tên Công ty.

4. Các thông tin, thông báo mà pháp luật bắt buộc phải công bố thì tùy loại Công ty sẽ thực hiện theo quy định trực tiếp đến cơ quan liên hệ hoặc đăng trên báo Sài Gòn Giải Phóng tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc báo Đồng Nai tại TP Biên Hoà tối thiểu **03 ngày liên tục**.

Điều 57: Con dấu

Con dấu của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền, sở kế hoạch và đầu tư, ngân hàng

Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 58: Đăng ký điều lệ

- Bản điều lệ này gồm 8 chương 58 điều, được Đại hội Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 79 thông qua và chấp thuận ngày 07 tháng 11 năm 2006

- Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó :
 - + 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà Nước Tỉnh Đồng Nai .
 - + 05 bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai, Khu Quản Lý Đường Bộ VII....
 - + 04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty 79 .

Làm tại Long Khánh, ngàytháng.....năm 2006.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN

1) Tạ Hữu Tống



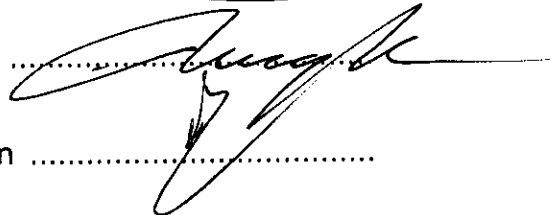
2) Nguyễn Tấn Đạt



3) Lê Quang Liêm



4) Lê Trung Khê



5) Phạm Văn Nhân